

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS-ST
Ngày: 31-8-2017
“V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Chí;

Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2016/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hợp tác xã Nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ H;
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc C - Chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Hợp tác xã:

Ông Lương Xuân P - Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Hợp tác xã;

Ông Nguyễn Ngọc T - Chức vụ: Phó giám đốc Hợp tác xã.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2016. Ông P và ông T đều có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/11/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 19/02/2002, ông Lê Văn C có vay của Hợp tác xã Nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ H (viết tắt HTX) số tiền 5.000.000 đồng. Sau nhiều lần trả nợ thì đến ngày 19/7/2010, giữa vợ chồng ông Lê Văn C, bà Huỳnh Thị Kim N và HTX H có ký Hợp đồng tín dụng số 51, theo đó HTX H cho vợ chồng ông C, bà N vay số tiền 3.600.000

đồng nhưng số tiền này không phải vợ chồng ông C nhận mà từ nợ cũ (nợ 5.000.000 đồng vay từ năm 2002) chuyển sang, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi quá hạn 1,5%/tháng, mục đích vay: chăn nuôi. Khi ông C và vợ là bà N ly hôn thì HTX H không biết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi quá thời hạn trả nợ, HTX H có mời ông C và bà N đến làm việc về số nợ trên thì bà N thống nhất trả $\frac{1}{2}$ số nợ đã vay và tiền lãi trên số tiền gốc phải trả. Vào ngày 24/4/2012, bà N bà đã trả cho HTX H 1.800.000 đồng tiền gốc và 492.000 đồng tiền lãi; về phần nợ của ông C thì ông không đồng ý trả vì ông cho rằng bà N vay chứ ông không vay. HTX H đã nhiều lần đến nhà ông C để thông báo cho ông trả gốc và lãi nhưng không gặp được ông C. Nay, HTX H khởi kiện ông Lê Văn C, yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả cho HTX H số tiền gốc là 1.800.000 đồng và tiền lãi là 1.939.000 đồng, tổng cộng 3.739.000 đồng.

Bị đơn ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 51/HĐTD ngày 19/7/2010 thì người đứng tên vay là ông Lê Văn C, người ký tên là bà Huỳnh Thị Kim N (lúc đó là vợ ông C) để vay số tiền 3.600.000 đồng của HTX H. Tuy nhiên, Hợp đồng này xuất phát từ hợp đồng vay gốc vào năm 2002 do ông C đứng tên vay 5.000.000 đồng, sau nhiều lần trả nợ thì đến khi ký hợp đồng số 51, số nợ còn lại là 3.600.000 đồng, đây là nợ cũ từ năm 2002 còn lại, không phải là nợ mới vay nên xác định đây là nợ chung của vợ chồng, buộc ông C phải có trách nhiệm trả nợ. Sau khi ông C và bà N ly hôn, phần nghĩa vụ trả nợ của bà N bà đã trả, phần nghĩa vụ trả nợ của ông C ông không trả. Do đó, HTX H khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền gốc 1.800.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu 1.939.000 đồng tính từ ngày vay (19/7/2010 đến ngày 19/10/2016) thấy rằng: từ ngày 19/7/2010 đến ngày 19/7/2011 là 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, tiền lãi là 238.000 đồng; từ ngày 20/7/2011 đến ngày nhắc nợ 24/4/2012 là 9 tháng 4 ngày, lãi suất 1,5%/tháng (lãi quá hạn), tiền lãi là 246.600 đồng, tổng cộng 484.600 đồng. Đây là số tiền lãi trong hạn và quá hạn bị đơn đã được thông báo nhưng không trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Khoản tiền lãi còn lại tính từ sau ngày 24/4/2012 đến nay 19/10/2016 là 1.454.400 đồng nguyên đơn

không chứng minh được đã thông báo nhưng bị đơn không trả nợ, đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp, kinh doanh, dịch vụ H.

Buộc bị đơn ông Lê Văn C phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.284.600đ (Hai triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm đồng), (Trong đó: tiền gốc 1.800.000 đồng, tiền lãi 484.600 đồng).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 1.454.400 (Một triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

2. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 100.000 đồng tại biên lai số 5375 ngày 27/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa nên còn phải nộp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Bị đơn phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Khánh Thoa**